

Nghiên cứu khoa học trong các trường đại học Việt Nam: Mô hình tạp chí khoa học UEF

NGUYỄN LÊ ANH ^{1,*}, VŨ THANH TÙNG ², PHAN HOÀI NAM ¹
NGUYỄN THANH PHÚC ¹ & NGUYỄN NGỌC CHUNG ¹

¹ Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

² Trường Đại học Tài chính Marketing

Nhận bài: 01/01/2022 - Duyệt đăng: 15/04/2022

(*) Liên hệ: anhn1@uef.edu.vn - Tel: 0903.800.455

Tóm tắt:

Trong hoạt động của các trường đại học hiện nay, nghiên cứu khoa học đã trở thành một nội dung rất quan trọng. Tuy số lượng các trường đại học VN phát triển rất nhanh, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội, cũng như các trường đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong những năm vừa qua, nhưng vai trò nghiên cứu khoa học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quốc gia. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của vấn đề, nghiên cứu tổng quan một số kết quả nghiên cứu khoa học trong hệ thống các trường đại học VN, thông qua phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh để đưa ra các hàm ý quản trị đối với công cuộc phát triển nghiên cứu khoa học hiện nay.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học, đại học VN, thực trạng nghiên cứu khoa học.

Abstract:

In today activities of universities, scientific research has become a very important content. Although the number of Vietnam universities has grown rapidly and satisfied the needs of human resources for our society, as well as universities have also issued many policies to promote it in recent years, the role of scientific research has not yet met the national requirements. Recognizing the importance of this problem, our study summarizes some scientific research results in the Vietnam university system, by using the methods of analysis, synthesis and comparison to suggest management implications for the current development of scientific research.

Keywords: Scientific research, Vietnam universities, the reality of scientific research.

1. Cơ sở lý thuyết về nghiên cứu khoa học

Khái niệm nghiên cứu khoa học

Xét đến khái niệm khoa học. Sheldon (1997) cho rằng khoa học là một hoạt động trí tuệ được thực hiện bởi con người, được thiết kế để khám phá cách thức hoạt động, tồn tại của sự vật và hiện tượng. Còn theo Webster's

New Collegiate Dictionary (2018), khoa học là những tri thức đạt được qua kinh nghiệm thực tế và nghiên cứu.

Tại VN, Luật Khoa học và Công nghệ 29/2013/QH13 quy định khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. Từ điển Giáo dục (2020) lại định

nghĩa khoa học là lĩnh vực hoạt động của con người nhằm tạo ra và hệ thống hóa những tri thức khách quan về thực tiễn, là một trong những hình thái ý thức xã hội bao gồm cả hoạt động để thu hái kiến thức mới lẫn cả kết quả của hoạt động ấy, tức là toàn bộ những tri thức khách quan làm nên nền tảng của một bức tranh về thế giới.

Về khái niệm nghiên cứu. Kothari (2004) cho rằng nghiên cứu là quá trình thu thập, phân tích dữ liệu một cách có hệ thống nhằm khám phá các vấn đề liên quan. Theo Shuttleworth (2008), nghiên cứu là bao gồm mọi cách thức thu thập dữ liệu, thông tin và sự kiện cho sự phát triển kiến thức. Còn Kumar (2014) khẳng định nghiên cứu là một trong những cách tìm ra các câu trả lời cho các câu hỏi.

Từ các khái niệm về khoa học và nghiên cứu, qua thời gian thì khái niệm nghiên cứu khoa học dần được hình thành. Theo Earl R. Babbie (1986), nghiên cứu khoa học là cách thức con người tìm hiểu các hiện tượng khoa học một cách có hệ thống; và là quá trình áp dụng các ý tưởng, nguyên lý để tìm ra các kiến thức mới nhằm giải thích các sự vật hiện tượng. Đến lượt Armstrong và Sperry (1994), nghiên cứu khoa học dựa vào việc ứng dụng các phương pháp khoa học để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên và xã hội, và để sáng tạo phương pháp và phương tiện kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn. Còn theo Babbie (2011), nghiên cứu khoa học là cách thức con người tìm hiểu các hiện tượng khoa học một cách có hệ thống, và cũng là quá trình áp dụng các ý tưởng, nguyên lý để tìm ra các kiến thức mới nhằm giải thích các sự vật hiện tượng.

Ở VN, chính thức thì khái niệm nghiên cứu khoa học đã được hình thành theo Luật Khoa học và Công nghệ 29/2013/QH13 ban hành ngày 18/06/2013. Theo đó, nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự

vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

Như vậy, nghiên cứu khoa học là một hoạt động tìm kiếm, xem xét, điều tra, hoặc thử nghiệm; dựa trên số liệu, tài liệu, kiến thức, có được từ nghiên cứu để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên và xã hội, và để sáng tạo phương pháp và phương tiện kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn. Con người muốn làm nghiên cứu khoa học phải có kiến thức nhất định về lãnh vực nghiên cứu và cái chính là phải rèn luyện cách làm việc tự lực và có phương pháp. Trong đó, chủ chốt có nghiên cứu cơ bản là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; còn nghiên cứu ứng dụng là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

Có nhiều cách phân loại nghiên cứu khoa học. Thông thường có hai cách phân loại sau: theo chức năng nghiên cứu và theo tính chất của sản phẩm nghiên cứu

- Theo chức năng nghiên cứu: bao gồm 4 loại sau

+ Nghiên cứu mô tả: nhằm đưa ra một hệ thống tri thức giúp con người phân biệt các sự vật, hiện tượng xung quanh; bao gồm mô tả định tính và mô tả định lượng, mô tả một sự vật, hiện tượng riêng lẻ hoặc so sánh giữa nhiều sự vật, hiện tượng khác nhau.

+ Nghiên cứu giải thích: nhằm làm rõ các quy luật chi phối các

hiện tượng, các quá trình vận động của sự vật.

+ Nghiên cứu dự báo: nhằm chỉ ra xu hướng vận động của các hiện tượng, sự vật trong tương lai

+ Nghiên cứu sáng tạo: nhằm tạo ra các qui luật, sự vật mới hoàn toàn

- Theo tính chất của sản phẩm nghiên cứu: chủ yếu gồm 3 loại hình sau

+ Nghiên cứu cơ bản: các nghiên cứu nhằm phát hiện thuộc tính, cấu trúc bên trong của các sự vật, hiện tượng.

+ Nghiên cứu ứng dụng: vận dụng thành tựu của các nghiên cứu cơ bản để giải thích sự vật, hiện tượng; tạo ra các giải pháp, qui trình công nghệ, sản phẩm để áp dụng vào đời sống và sản xuất.

+ Nghiên cứu triển khai: vận dụng các nghiên cứu cơ bản và ứng dụng để tổ chức triển khai, thực hiện ở qui mô thử nghiệm

Nghiên cứu khoa học trong trường đại học

Ngày nay trên khắp thế giới, các trường đại học đều được xem là tài sản quan trọng của quốc gia, là nơi đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực tay chất lượng cho nền kinh tế. Do đó, có thể xem hệ thống các trường đại học là tác nhân thúc đẩy phát triển xã hội.

Trước đây, Roberto Mazzoleni và Richard R. Nelson (2005) cho là các trường đại học đóng góp rất lớn vào sự phát triển năng lực công nghệ nội địa ở các quốc gia và khu vực kinh tế trên thế giới. Theo National Research Council (2012), đối với các cường quốc hàng đầu thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Cộng đồng Châu Âu,

Bảng 1. So sánh nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng

	Nghiên cứu cơ bản	Nghiên cứu ứng dụng
Mục tiêu	Phát triển lý thuyết trong ngành kinh tế - quản lý	Ứng dụng lý thuyết vào phân tích thực tiễn ở đơn vị, ngành, địa phương cụ thể
Kết quả nghiên cứu	Công trình nghiên cứu mang nặng tính lý thuyết với kết quả chính là luận điểm, mô hình, hoặc học thuyết mới	Công trình nghiên cứu vừa mang tính lý thuyết lại vừa có khả năng ứng dụng cao, trực tiếp vào những khung cảnh nghiên cứu cụ thể
Đặc điểm của các công trình nghiên cứu	Coi trọng tính tổng quát hóa và trường tồn của kết quả nghiên cứu theo không gian và thời gian	Coi trọng tính phù hợp của kết quả nghiên cứu đối với một hoặc một số bối cảnh cụ thể
Người phản biện phù hợp	Các chuyên gia lý thuyết (quốc tế) là những người phù hợp để phản biện luận án hoặc công trình nghiên cứu	Các chuyên gia lý thuyết kết hợp với nhà hoạt động thực tiễn là những người phù hợp để phản biện luận án hoặc công trình nghiên cứu
Nơi công bố - xuất bản công trình	Công bố ở những tạp chí chuyên ngành lý thuyết (quốc tế).	Công bố ở những tạp chí dành cho các nhà hoạt động thực tiễn.

Nguồn: Giáo trình nghiên cứu khoa học ĐH Tài chính Marketing (2020)

...thì nghiên cứu khoa học trong các trường đại học là một bộ phận vô cùng quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia Theo Patarapong Intarakumnerd và Goto Akira (2016), sau này Paola Rücker Schaeffer và cộng sự đã tái khẳng định (2018), đã từ lâu hoạt động nghiên cứu khoa học các trường đại học đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển hệ thống đổi mới quốc gia, qua đó sẽ thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế quốc gia.

Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của các trường đại học đã góp phần lớn trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách của quốc gia (Mahmood Mamdani, 2011), khi hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học không được đánh giá đúng mực thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước (Wilson Suzigan, Eduardo da Motta e Albuquerque, 2011). Các kết quả nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định vai trò của các trường đại học trong đổi mới và phát triển kinh tế quốc gia. Trong tương lai các trường đại học cần tập trung hơn nữa vào phát triển bền vững

và đáp ứng các xu hướng công nghệ sáng tạo mới trong các lãnh vực sau: nghiên cứu cơ bản; tổng hợp kiến thức hiện có; giáo dục và đào tạo (phát triển chương trình giảng dạy); tạo không gian mở rộng khám phá các ý tưởng và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. (Radhe Shyam Sharma, 2015). Đến thời Peter Maassen và cộng sự (2019), các ông quan niệm các quốc gia phát triển giáo dục đại học và nghiên cứu chất lượng cao của nó nhằm đảm bảo cạnh tranh quốc tế và là điều kiện tiên quyết bền vững phát triển nền kinh tế tri thức trong giai đoạn toàn cầu hóa. Roberto Chang López (2020) khẳng định các trường đại học là một bộ phận quan trọng của hệ thống đổi mới quốc gia nhiều nước.

N.Ravichandran (2018) đã đưa ra một đúc kết quan trọng là sự hợp tác chặt chẽ giữa các trường đại học và các doanh nghiệp trong hoạt động R&D rất quan trọng để phát triển ưu thế cạnh tranh quốc gia. Một nghiên cứu về sự hợp tác của trường đại học Thụy Điển với các đối tác xã

hội đã xác định bốn lĩnh vực cần quan tâm là các hình thức hợp tác xã hội khác nhau, các yếu tố quyết định của sự hợp tác, hiệu quả và cách đo lường kết quả hợp tác. (Matilda B., Yvonne E., 2016). Một nghiên cứu về tác động của các trường đại học đến các kết quả của hệ sinh thái đổi mới từ dữ liệu các thành phố và tiểu vùng ở bang São Paulo, Brazil trong giai đoạn 2002-2014 cho thấy các trường đại học đã có nhiều bằng sáng chế, sản xuất phần mềm và truyền bá mô hình kinh doanh hàm lượng tri thức cao (nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp), kích thích sự phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt các trường đại học đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc hệ sinh thái đổi mới, tuy nhiên ở Brazil cần nhiều tác động để phát triển sự hợp tác hơn nữa giữa học thuật và thị trường nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ tạo động lực tăng trưởng quốc gia. (Rücker Schaeffer P et al.; 2018). Một nghiên cứu của Ấn Độ về hoạt động nghiên cứu khoa học từ đại học phải giải quyết cụ thể một vấn đề, một nhu cầu xã

hội và đóng góp vào kiến thức nhân loại, đồng thời tạo quan hệ liên kết bền vững giữa thế giới học thuật và kinh doanh qua đó định hướng sinh viên lựa chọn nghề nghiệp và cải tiến, cập nhật chương trình giảng dạy. Thực tiễn trong nghiên cứu tạo ra kỹ năng tư duy phản biện, hình thành năng lực chuẩn mực để sinh viên có thể đáp ứng tốt nhất những thách thức tương lai (N.Ravichandran, 2018). Theo Aris K (2019), giáo dục đại học đã khẳng định vai trò phát triển kinh tế và xã hội bền vững. Đại học không chỉ là một “lò” đào tạo và ứng dụng kiến thức mà phải chủ động “xông vào” cùng doanh nghiệp giải quyết các khó khăn, thách thức qua đó phát triển năng lực nghiên cứu, vị trí và uy tín trong nước và quốc tế hơn nữa còn củng cố, thắt chặt quan hệ hợp tác “win-win” với doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu này tạo nguồn thu, sự tự hào và gắn bó của giảng viên và cập nhật, bổ sung “kiến thức mới” vào bài giảng.

Hàn Quốc đã tiến hành nghiên cứu chính sách khuyến khích các trường đại học phát triển nghiên cứu học thuật, chuyển giao công nghệ để phát triển nền kinh tế quốc gia với các đề xuất như phát triển tiếp cận mô hình 3 bên (nhà nước, doanh nghiệp và các đại học) với ngân sách hỗ trợ tài chính, các chính sách phục vụ các ngành chiến lược quốc gia; phát triển đồng bộ nghiên cứu khoa học và chuyển giao kiến thức trong các trường đại học, liên kết hệ thống đổi mới quốc gia và hệ thống giáo dục đại học và xu hướng nghiên cứu ngành công nghệ cao. (Ki-Seok Kwon; 2011)

Hiện nay ở VN, nghiên cứu khoa học của các trường đại học đã và đang giải quyết các vấn đề nóng của xã hội như đại dịch Covid 19, các giải pháp y khoa tiên tiến, chữa bệnh nan y, vaccine vấn đề biến đổi khí hậu, nguồn năng lượng sạch, nước sạch, năng suất sản xuất, vật nuôi và cây trồng, tăng trưởng kinh tế, hiệu quả tín dụng ... Ở VN kết quả nghiên cứu khoa học đã đóng góp những giải pháp thiết thực cho đời sống kinh tế xã hội... tuy nhiên nghiên cứu khoa học của các trường đại học vẫn chưa thật sự mạnh mẽ, chưa đồng đều giữa các trường và vùng miền, do đó vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chung của xã hội và đất nước. Những năm gần đây nền kinh tế VN đã phát triển tốt và được thế giới nhìn nhận tích cực và đánh giá cao. Tuy nhiên để phát triển mạnh mẽ, vượt qua cơn khó khăn đại dịch Covid-19 thì VN phải có chiến lược đẩy mạnh các nghiên cứu khoa học trong nước, nhất là từ các trường đại học, viện nghiên cứu.

2. Thực trạng nghiên cứu khoa học trong các trường đại học VN hiện nay

2.1 Tình hình chung

Nhìn chung giảng viên tại các trường đại học VN hiện nay có hai nhiệm vụ quan trọng là: giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Thực tiễn và lý luận đều chứng minh tồn tại mối quan hệ hữu cơ rõ ràng giữa nghiên cứu khoa học với giảng dạy: nghiên cứu khoa học tạo nên nền tảng và điều kiện cho giảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy trên giảng đường, nó chính là thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên. Ngược lại, công tác

giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học.

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ của người giảng viên. Điều này đã được nêu rõ trong Quy định về làm việc đối với giảng viên, ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 28/11 /2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Và sau đó là Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, thay thế cho Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT. Kèm theo đây là các thông tư liên tịch qui định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ, trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Nghiên cứu của TS Nguyễn Danh Nguyên (2021) thực hiện khảo sát các giảng viên 115 trường đại học VN, qua sử dụng phân tích đa biến đã cho ra kết quả nghiên cứu là các trường đại học ở các thành phố lớn hoạt động lâu hơn và quy mô lớn hơn thì có mức độ công bố quốc tế cao hơn; cơ chế quản lý và cơ sở hạ tầng tác động nhiều đến năng suất nghiên cứu. Một nghiên cứu việc nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường đại học VN nhằm phát triển bền vững ngành giáo dục đại học ở VN phát hiện 14 yếu tố chính được phân thành ba loại: “yếu tố liên quan đến chính sách”, “yếu tố liên quan đến năng lực” và “yếu tố liên quan đến mạng lưới”. (Trung Trần và cộng sự, 2020)

Nhìn chung, hiện nay hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học VN vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Xét về mặt kinh tế, nghiên cứu khoa học không mang lại nguồn thu như hoạt động đào tạo, mà còn tiêu tốn chi phí. Do đó, các trường đại học quy mô vừa và nhỏ không quá mặn mà. Còn đối với các trường lớn, hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ thật sự phát triển có chất lượng ở một số trường trọng điểm. Đôi khi có vài trường phải mất tiền để “đứng tên” trong một số bài báo quốc tế có chỉ số tham khảo cao nhằm được tính điểm xếp hạng nhằm đáp ứng tiêu chí tính điểm trong các đánh giá kiểm định chất lượng ngoài. Khảo sát của Đại học Quốc gia Hà Nội (2020) tiến hành trên 142/271 trường đại học cho thấy trong các trường đã hình thành 945 nhóm nghiên cứu, nhiều nhóm nghiên cứu mới được hình thành từ năm 2017 trở lại đây; tính trung bình một trường đại học có 7 nhóm nghiên cứu với độ tuổi tham gia đông nhất là 35-45 tuổi. Cơ sở đào tạo có nhiều nhóm nghiên cứu khoa học nhất là Đại học Bách khoa Hà Nội (200 nhóm), tiếp đến là các trường Đại học Tây Nguyên (42 nhóm), Đại học Đà Nẵng (36 nhóm), Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên (30 nhóm), Đại học Quốc gia TP HCM (24 nhóm) và Đại học Quốc gia Hà Nội (29 nhóm). Quả thật không nhiều trường phát triển được nghiên cứu khoa học như Đại học Bách khoa Hà Nội với nguồn nhân lực Phó Giáo sư, Tiến sĩ hùng hậu, nhiều người trong đó được đào tạo ở các nước phát triển giáo dục hàng đầu thế giới; hiện trường có

hơn 80 nhóm nghiên cứu mạnh, sở hữu nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, quốc tế, đạt không ít giải thưởng giá trị cao... Cơ sở vật chất phục vụ cho nghiên cứu khoa học của nhà trường cũng rất quy mô và đa dạng, bao gồm 20 học viện, 5 viện nghiên cứu, 7 trung tâm nghiên cứu, 11 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cùng hơn 200 phòng thí nghiệm cấp khoa.

Bản thân các giảng viên ngoài việc giảng dạy trên lớp, còn phải tham gia các hoạt động khác của bộ môn, khoa và trường, phải lo nâng cao trình độ để học tiến sĩ... chưa kể là nhiều người còn phải nặng gánh mưu sinh. Trong khi đó, các nghiên cứu khoa học thường mang tính hàn lâm, tốn nhiều thời gian để tổng hợp, nghiên cứu, rồi đến khi đăng các tạp chí trong nước, quốc tế lại phải tốn thêm tiền bạc và thời gian.

2.2 Những lợi ích cơ bản khi giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học

Tại các trường đại học VN, vấn đề nâng cao chất lượng dạy và học luôn đóng vai trò quan trọng, có sự tác động lớn đến công cuộc phát triển lâu dài và ổn định của nhà trường. Theo nhận định, việc tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học sẽ đem lại những lợi ích cơ bản sau cho giảng viên:

- Nghiên cứu khoa học giúp giảng viên có điều kiện đào sâu kiến thức chuyên môn hơn, củng cố những kiến thức cũ làm nền tảng và mở rộng tầm hiểu biết đối với các kiến thức mới từ nhiều chuyên ngành khác nhau, nắm bắt chặt chẽ hơn kiến thức chuyên môn mà mình đang trực

tiếp giảng dạy, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung kiến thức chưa chuẩn xác trong bài giảng

Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là động lực bắt buộc các giảng viên phải tự cập nhật các thông tin, kiến thức mới một cách thiết thực và thật sự hiệu quả. Giảng viên sẽ phải tìm tòi, đón nhận thêm lượng kiến thức mới từ những nguồn khác nhau để đánh giá và hoàn thiện lại những kiến thức cần thiết cho đề tài nghiên cứu. Các hình thức phổ biến hiện nay là: các hội thảo, diễn đàn trao đổi học thuật, các báo cáo chuyên ngành, ý kiến của các chuyên gia...

- Quá trình thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo ra cơ hội tốt để giảng viên có môi trường rèn luyện và bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân. Từ đây sẽ tạo nên động lực cho giảng viên tiến hành đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên.

- Quá trình tham gia nghiên cứu khoa học sẽ góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi các phương pháp nhận thức khoa học của giảng viên, từ đó dần hình thành ở giảng viên những phẩm chất của nhà nghiên cứu.

Trong quá trình tham gia nghiên cứu khoa học, giảng viên có thể là thành viên hoặc là chủ nhiệm của đề tài các cấp. Quá trình thực hiện đề tài trải qua thời gian dài thì tự bản thân giảng viên sẽ nảy sinh ra nhiều hướng giải quyết khác nhau trước các tình huống phát sinh trong thực tế. Từ đó giúp chính giảng viên

rèn luyện và phát triển thêm tư duy độc lập, tư duy phản biện để bảo vệ lập trường khoa học của mình.

- Quá trình nghiên cứu khoa học lâu dài, nhất là với các đề tài cấp tỉnh thành thực hiện trong thời gian dài, luôn đòi hỏi giảng viên phải làm việc nhóm một cách tích cực và hiệu quả. Nhờ đó, mỗi quan hệ nghề nghiệp giữa các giảng viên sẽ thêm gắn bó, cùng nhau tăng thêm sự hiểu biết về ngành nghề, góp phần hình thành và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Điều này về lâu dài sẽ giúp giảng viên có thể hòa nhập tốt hơn, chủ động hơn trong môi trường làm việc của mình. Bên cạnh đó, giảng viên cũng sẽ học hỏi được rất nhiều từ các đồng nghiệp, từ các thành viên tham gia đề tài ở cả trong lẫn ngoài trường.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học là chìa khóa để giảng viên tự khẳng định mình. Đối với giảng viên tại trường đại học, công tác giảng dạy luôn được coi trọng, nhưng đây mới chỉ là một nửa yêu cầu của hoạt động chuyên môn của người giảng viên tại trường đại học. Phần còn lại chính là hoạt động nghiên cứu khoa học, được các trường chú trọng xem một nhiệm vụ bắt buộc, thể hiện thông qua định mức nghiên cứu khoa học hàng năm. Đó là tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu để đánh giá khả năng toàn diện của giảng viên. Một giảng viên được đánh giá là có năng lực chuyên môn tốt thì yếu tố tiên quyết là hàng năm phải có các công trình khoa học chất lượng. Vì năng lực của giảng viên thể hiện và được đánh giá chủ yếu thông qua giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Đề tài nghiên cứu khoa học

nếu đạt kết quả tốt sẽ góp phần nâng cao vị thế và uy tín của người giảng viên trong trường đại học của mình nói riêng và môi trường học thuật nói chung.

- Cần lưu ý một nội dung quan trọng, đó là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp hạng các trường đại học chính là mảng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, công nhân viên chức của trường. Do đó, hoạt động nghiên cứu khoa học thành công sẽ góp phần quan trọng để khẳng định uy tín của nhà trường, nâng cao thương hiệu. Rõ ràng, thành tích của cá nhân làm nên thành tích của tập thể.

2.3 Những hạn chế trong nghiên cứu khoa học của các giảng viên đại học

Mặc dù bước đầu có được những thành tích nhất định trong nghiên cứu khoa học những năm vừa qua, nhưng tại các trường đại học hiện nay vẫn tồn tại những hạn chế như sau:

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên các trường vẫn còn khá tẻ nhạt, đánh giá chung là chưa ngang tầm với nhiệm vụ chuyên môn của giảng viên. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), hiện trong số 56.000 cán bộ giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng chỉ có khoảng 3% là tham gia thường xuyên nghiên cứu khoa học và rất ít giảng viên tham gia nghiên cứu.

Lý do là các giảng viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, do vậy hầu hết đều chưa thực sự chủ động lựa chọn, tham gia các đề tài để nghiên cứu. Nếu có làm thì cũng đề đối phó với quy định về định mức nghiên cứu khoa học của nhà trường.

- Một lý do quan trọng là hiện nay nhiều giảng viên đại học còn phải lo gánh nặng ‘com áo gạo tiền.’ Do thế, đa số hoạt động của giảng viên các trường chỉ tập trung vào số giờ dạy theo yêu cầu giờ chuẩn của nhà trường, cùng với các vấn đề liên quan đến giảng dạy như soạn bài giảng, ra đề thi, chấm bài, giải đáp ý kiến sinh viên, hướng dẫn thực tập. Từng đó công việc cũng đã chiếm hết quỹ thời gian giảng viên, chẳng còn dư lại bao nhiêu cho công tác nghiên cứu khoa học.

Nguồn thu nhập chính yếu của giảng viên đến từ công việc giảng dạy, không những tại trường mà mình là cơ hữu, mà còn ‘chạy show’ ở các trường đại học khác trên cương vị thỉnh giảng. Trái lại, hoạt động nghiên cứu khoa học tiêu tốn nhiều thời gian và công sức nhưng thu nhập lại ít ỏi. Thực tế là kinh phí phục vụ cho những đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của giảng viên là không nhiều. Ở cấp tỉnh thành thì kinh phí có khá hơn, nhưng so với công sức, thời gian, chi phí bỏ ra cho cả quá trình mấy năm thực hiện đề tài thì chẳng tương xứng. Hiện nay nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học từ bên ngoài như kinh phí các tỉnh, thành phố, các Bộ, các chương trình quốc gia, các dự án có khá nhiều, tuy nhiên nhiều trường chưa có kế hoạch tiếp cận vì ngại mất thời gian và chi phí, hơn nữa phải đầu tư nên khả năng khả thi là không cao. Chính vì thế, việc giảng viên ít quan tâm đến nghiên cứu khoa học là điều tất yếu.

- Trong chương trình đào tạo ở một số trường đại học hiện nay vẫn còn tồn tại tình trạng khác

biệt về chương trình đào tạo. Có trường đưa môn phương pháp nghiên cứu khoa học là môn bắt buộc, có trường thì cho môn này là tự chọn. Số ít trường còn không đưa môn phương pháp nghiên cứu khoa học vào giảng dạy. Bởi thế còn tồn tại một bộ phận giảng viên ở một số trường chưa nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, thực hiện công trình nghiên cứu khoa học.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học hiện nay đa phần mang tính chất khái quát, tổng quan nhiều, chưa đi sâu phân tích những vấn đề cụ thể, gắn liền với thực tế. Nhiều đề tài được nghiên cứu được thực hiện chẳng qua là ‘bình mới rượu cũ’, dựa trên các mô hình đã được nghiên cứu từ trước, cập nhật số liệu để thành đề tài mới. Đa phần giảng viên thực hiện những đề tài nào có nhiều tài liệu tham khảo, họ ngần ngại lựa chọn những công trình mới, tốn nhiều công sức để điều tra xã hội học, chạy mô hình....Quá trình tham khảo tài liệu của giảng viên còn quá lệ thuộc vào Internet. Do hạn chế về trình độ tiếng Anh nên các tài liệu sử dụng đa phần bằng tiếng Việt, thiếu cập nhật thông tin, kiến thức mới trên thế giới.

Để tránh phức tạp, rắc rối, phải tốn công sức giải trình, trong công trình nghiên cứu khoa học, giảng viên còn e ngại đưa ra quan điểm cá nhân của riêng mình, nhiều ý kiến còn mang tính chung chung. Cá biệt còn có giảng viên sao chép các công trình có sẵn mà không trích dẫn tài liệu tham khảo.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học ở các trường chưa đồng đều. Hầu hết các chuyên gia đầu ngành trong

nghiên cứu khoa học ở các lĩnh vực đều chỉ tập trung tại các trường đại học lớn. Định hướng phát triển đào tạo chuyên môn sâu với các nhóm nghiên cứu mạnh ở các trường vẫn chưa rõ ràng, cụ thể, thiếu tầm nhìn dài hạn. Do đó, nhìn tổng thể thì đội ngũ nghiên cứu khoa học ở các trường đại học hiện nay vẫn chưa đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ nghiên cứu có tầm cỡ khu vực và quốc tế.

2.4 Tạp chí Phát triển và Hội nhập UEF: Một mô hình nghiên cứu khoa học

Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá về thực trạng nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học VN hiện nay, bài viết xin trình bày khắc họa mô hình nghiên cứu khoa học của *Tạp chí Phát triển và Hội nhập* – Trường Đại học Kinh tế tài chính TP.HCM.

Tạp chí Phát triển & Hội nhập (sau đây gọi tắt là Tạp chí) của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM đã và đang có vị trí, vai trò ngày càng quan trọng trong giai đoạn phát triển hiện nay và sắp tới của nhà trường. Tạp chí được đánh giá tích cực và chất lượng và hàm lượng khoa học đối với các bài báo đã được công bố trong thời gian qua không đơn giản chỉ là cơ quan ngôn luận về mặt học thuật mà đó còn là “sân chơi” cho các giảng viên, nhà khoa học trong và ngoài nhà trường cùng nhau trao đổi kết quả nghiên cứu, thông tin khoa học, là “kênh” phản ánh khá trung thực và đầy đủ về uy tín khoa học cho nhà trường, là một trong những phương tiện hữu hiệu để quảng bá hình ảnh của nhà trường đối với công chúng.

Định hướng của nhà trường là hướng tới trở thành một trường đại học hàng đầu, tiên tiến về chất lượng đào tạo và chuyển giao các thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản ứng dụng vào các hoạt động thực tiễn và chú trọng phát triển Tạp chí với mục tiêu: Hướng đến Tạp chí đa ngành đạt chuẩn Quốc gia một trong những nhiệm vụ cần thiết và quan trọng trong giai đoạn sắp tới của nhà trường. Hiện Tạp chí đã được tách thành một danh mục độc lập trong quyển “Văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn về xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư” của HƣCĐGSNN với số điểm từ 0 - 0,5 cho một công trình được công bố.

Hơn 10 năm hình thành và phát triển, Tạp chí về cơ bản đã hoàn thành khá tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Tạp chí đã Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng; Pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế. Trao đổi các vấn đề khoa học kinh tế nhằm phù hợp với điều kiện VN và thế giới. Bên cạnh đó, Tạp chí cũng đã phản ánh kịp thời tình hình hoạt động và quản lý khoa học công nghệ (KH&CN) của các đơn vị trong và ngoài nhà trường, là nơi trao đổi thông tin học thuật của giảng viên, các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Tạp chí đã có những đóng góp rất đáng ghi nhận, là nâng cao hơn chất lượng và hàm lượng khoa học của các bài viết bằng việc khuyến khích các công trình nghiên cứu sâu hơn về chính luận kinh tế, trao đổi học thuật, đúc kết lý luận và thực tiễn về sự vận hành của thể chế, cơ chế, chính sách cơ chế điều hành kinh tế nhằm tìm kiếm các giải pháp

hữu hiệu tạo bước phát triển đột phá cho kinh tế VN để hướng tới hội nhập sâu hơn trong tiến trình toàn cầu hóa. Nhiều bài viết đã tập trung vào những vấn đề mà giới khoa học và xã hội quan tâm như những “khúc mắc” về kinh tế - tài chính trong hoạt động thực tiễn của cuộc sống, xã hội hoá các hoạt động nghiên cứu, phát triển thị trường KH&CN, đưa KH&CN phục vụ cuộc sống, các vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý kinh tế tài chính ở trong nước và quốc tế...

Tạp chí đã thực hiện tốt sứ mệnh là một diễn đàn khoa học của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, giảng viên đến từ trong và ngoài trường. Với sứ mạng là “là một trường Đại học chuẩn Quốc tế hàng đầu VN và không ngừng phát triển; phát triển bền vững cùng tiến trình hội nhập toàn cầu”. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM đã xác định vai trò mục tiêu ngoài nhiệm vụ đào tạo theo chuẩn Quốc tế thì vai trò nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ chính của nhà trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học thì bài báo khoa học đóng một vai trò hết sức quan trọng, không chỉ là xác nhận độ tin cậy và uy tín của một công trình nghiên cứu khoa học. Vì vậy, vai trò của Tạp chí khoa học tại các trường đại học là rất quan trọng. Đó là thước đo, công cụ kiểm định chất lượng, là phổ biến cho những ý tưởng mới, sáng tạo, là nơi lưu giữ, cung cấp những thông tin, nghiên cứu khoa học có giá trị và còn dùng làm tư liệu tham khảo cho các

công trình nghiên cứu kế tiếp; qua đó thúc đẩy, kích thích động cơ nghiên cứu, tìm kiếm, phát hiện sự thật về các hiện tượng, quy luật và các mối quan hệ cũng như đề xuất các giải pháp có ích vì mục tiêu cải thiện và phát triển cuộc sống con người; là tấm gương phản ánh hoạt động nghiên cứu, học thuật của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hoàn thành mục tiêu, sứ mạng và trách nhiệm của trường đối với cộng đồng và xã hội; góp phần hoàn thiện năng lực và chất lượng nghiên cứu của giảng viên, bồi dưỡng và chuẩn bị những kỹ năng, điều kiện và chuẩn mực cần thiết để hội nhập với cộng đồng nghiên cứu khoa học.

Để nâng cao chất lượng, phát huy hơn nữa vai trò của Tạp chí khoa học trong trường Đại học cần chú trọng các vấn đề sau:

- **Một là** ban lãnh đạo nhà trường cần phải đánh giá đúng vai trò chức năng của Tạp chí khoa học và có chính sách cụ thể về đầu tư con người, phương tiện và ngân sách đúng mức nhằm hướng đến hoạt động thường xuyên, liên tục, hiệu quả. Hơn thế nữa, về dài lâu đầu tư cho phát triển Tạp chí khoa học trong nhà trường nên xem như chi đầu tư cho thương hiệu của nhà trường.

- **Hai là** Tạp chí cần xây dựng cho mình một hội đồng biên tập, tư vấn và phản biện tốt. Nên có sự tham gia của Ban lãnh đạo trường và các thành viên hội đồng biên tập là những nhà khoa học có uy tín và có chuyên ngành với đa lĩnh vực chính của Tạp chí; mời các nhà khoa học đang là thành viên hội đồng

biên tập của các tạp chí có uy tín trong nước và nước ngoài tham gia; Ban biên tập phân công các thành viên làm Trưởng tiểu ban phụ trách chuyên môn một hoặc một số lĩnh vực của Tạp chí. Duyệt bài viết trước khi mời thẩm định và Giới thiệu người thẩm định có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của bài viết, tìm kiếm và kêu gọi các bài viết tốt từ các nhà nghiên cứu khoa học.

- **Ba là** có kế hoạch và lộ trình cụ thể trong việc phát triển nâng cấp từ Tạp chí có mã ISSN lên thành Tạp chí có mặt trong danh sách các tạp chí uy tín quốc tế thuộc Danh mục SCOPUS. Đạt được điều này rất quan trọng, tạo nên thương hiệu và uy tín của nhà trường rất cao, tiến tới hội nhập với những chuẩn mực của quốc tế. Xây dựng website riêng của Tạp chí, chương trình quản lý Tạp chí, quản lý cập nhật thông tin bài viết.

3. Kết luận & khuyến nghị

Qua thực trạng về tình hình nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị sau đây, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy những điểm tích cực và dần tháo gỡ các hạn chế còn tồn tại.

- Nhà trường cần có chiến lược dài hạn phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong giới giảng viên, có thể tập trung định hướng phát triển theo các lĩnh vực, ngành nghề có liên quan đến các ngành đào tạo của trường; thúc đẩy theo hướng nghiên cứu ứng dụng thực tế.

- Trên cơ sở các quy định quản lý nhà nước về hoạt động

nghiên cứu khoa học, trường đại học cần ban hành chính sách cụ thể về nghiên cứu khoa học, bám sát với thực tiễn kinh tế xã hội và phù hợp với điều kiện của trường. Cần chú ý đến vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để minh bạch hóa các trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan. Triển khai việc đăng ký các kết quả nghiên cứu và có biện pháp bảo vệ quyền lợi của nhóm, cá nhân nghiên cứu khoa học. Đưa ra các hướng dẫn về định giá sản phẩm trí tuệ, tài sản vô hình của cá nhân là kết quả nghiên cứu khoa học nhằm chia sẻ quyền lợi trong hợp tác khai thác hay chuyển giao công nghệ. Việc quy định rõ ràng và chặt chẽ, đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ sẽ thúc đẩy giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học nhiều hơn nữa.

- Về mặt tổ chức, trường nên thành lập từng ban chỉ đạo hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên. Hướng đến thành lập câu lạc bộ nghiên cứu khoa học trong nhà trường và tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ thường xuyên, tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ, sinh viên tham gia cùng làm đề tài với những người có kinh nghiệm. Đẩy mạnh và hỗ trợ tích cực các nhóm nghiên cứu mạnh.

- Nhà trường nên có chính sách thu hút cán bộ nghiên cứu khoa học hàng đầu ở các nơi về hợp tác với nhà trường, trên cả cương vị giảng viên, cán bộ cơ hữu lẫn hợp tác, thỉnh giảng. Từ đó tạo ra nền tảng phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của trường mình.

Chú trọng gắn liền kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, thành tích nghiên cứu khoa học của giảng viên, cán bộ công nhân viên với công tác bố trí, sử dụng nhân sự. Nên ưu tiên phát triển và đề bạt họ, có những chính sách ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự đối với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học.

- Trường đại học nên tăng cường nhiều kinh phí hơn nữa cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Hàng năm nên dành riêng một khoản kinh phí tương đối cho nghiên cứu khoa học. Có thể mở rộng các mối quan hệ để tiếp cận các nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học từ các doanh nghiệp, các hiệp hội, các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành.

- Hoạt động liên kết với các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp trong việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học là rất cần thiết. Hiện nay một số trường đã đẩy mạnh thực hiện các dự án nghiên cứu theo đơn đặt hàng của các tỉnh thành, đơn vị, doanh nghiệp và bước đầu thu được những kết quả khả quan.

Mở rộng kết nối, hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học để nâng tầm nguồn nhân lực, đồng thời tận dụng được các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu quốc gia, viện nghiên cứu quốc gia ở tầm cỡ khu vực và thế giới. Cần phát triển hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học để nâng tầm cho nguồn nhân lực, trao đổi kinh nghiệm và học tập lẫn nhau.

- Cần nghiên cứu phân bổ thời gian cho giảng viên một

cách hiệu quả, đảm bảo hài hòa giữa số tiết dạy theo yêu cầu giờ chuẩn với các hoạt động liên quan khác để tạo ra quỹ thời gian nghiên cứu khoa học cho các giảng viên. Bên cạnh đó, nên phân công, phân nhiệm các cá nhân tách biệt giữa chuyên sâu học thuật với công tác quản lý đơn vị●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Matilda Bölling, Yvonne Eriksson. (2016). Collaboration with society: The future role of universities? Identifying challenges for evaluation. *Research Evaluation*, Volume 25, Issue 2, April 2016, Pages 209–218.
- Nguyen Danh Nguyen, Tue Dang Nguyen, Kien Trung Dao. (2021). Effects of institutional policies and characteristics on research productivity at Vietnam science and technology universities. *Helvion* 7 (2021) e06024, <https://doi.org/10.1016/j.helivon.2021.e06024>.
- Trung Tran, Thao-Phuong-Thi Trinh, Cuong-Minh Le, Linh-Khanh Hoang and Hiep-Hung Pham. (2020). Research as a base for sustainable development of universities: Using the Delphi method to explore factors affecting international publishing among Vietnamese academic staff. *Sustainability* 2020, 12, pp.34 - 49; doi:10.3390/su12083449.